

BỮNG T Ờ NG Kε T Kε T QUầ H Ề C Tx P N ư M H Ề C 2012-2013 - LỗN CƯ Ỉ
(Lỗ kJ quỈ Lỗth thi lưn cư i)

L. p h Ề c: 36KT2

Ng ờ nh: KJtošn DN (TCCN)

Bđc: Trung cđp chuy ờn nghi Ề p 2 nłm

STT	Mề S Ề	H Ề Về Tầ N	ư lqM TBc	XLHT	ư lqMRcN LUY Ờ N	S Ề MỖN < 5	K Ỉ LUY T	XE T THEO QUY CHỀ	Qư C. AH Ỉ ư NG	Anh vờn cần bầ 1	Anh vờn cần bầ 2	Chờnh ư	Giổ đ. c pầp lườ(5)	Giổ đ. c qu Ề c pầ, ng(3)	Kjlošn Ề c chần (P1)	Kinh ưjv m Ề	Kinh ưjv m Ề	Ngừ p v. Ề nh chần vờn pầ, ng	Nguy Ờ Ỉ kjlošn	Nguy Ờ Ỉ ư ng k Ề	T Ề chần kần đầ ng tầ Ề	Tầ h Ề cần bầ	Tầ h Ề cần pầ, ng	Thườ c Trườao	Th Ề đầp cầ bầ
										4	4	6	2	5	6	3	3	2	4	3	4	4	4	4	2
1	3642010312	ư inh Th Ề An	6.60	TB khá	63					4.3	5.3	6.7	5.5	6.5	6.5	7.0	5.3	6.7	8.2	4.0	6.5	9.8	8.3	6.5	7.0
2	3642012098	Tr Ề nh ư ầnh	0.30	Kém	40							0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.3	2.0	0.0		0.0
3	3642010349	B½ Th Ề	0.90	Kém	53							3.2	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	1.3	0.0	1.3	1.8	0.0		0.0
4	3642012118	Lê Thanh	0.00	Kém	40							0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0
5	3642012059	V» Huđnh Thanh	1.20	Kém	53							2.5	2.0		0.0	0.0	0.0	6.3	0.5	0.6	3.5	0.0	0.0		0.0
6	3642010480	H Ề H Ề ng	7.30	Khá	83					5.5	5.8	7.0	7.0	7.5	7.7	7.0	5.2	7.5	8.7	7.7	7.3	8.0	9.3	7.0	9.0
7	3642012082	ư ờ Th Ề Thanh	6.30	TB khá	60					5.5	5.3	6.2	5.3	8.0	5.7	7.0	5.7	7.0	5.0	7.6	5.3	5.5	8.3	6.5	9.0
8	3642010526	Phầ Th Ề Ng Ề c	7.40	Khá	80					5.8	6.5	7.2	5.8	8.0	9.0	6.0	5.8	7.5	8.7	8.3	6.8	6.8	9.3	7.0	9.0
9	3642010396	Huđnh C Ề ng	2.10	Kém	53							3.7	2.0		0.0	0.0	0.0	7.4	2.5	0.0	3.3	6.3	0.0		0.0
10	3642012086	Nguy Ờ n ư. c	6.80	TB khá	73					7.3	7.5	5.5	5.3	8.0	7.0	6.3	5.4	6.9	7.5	7.0	6.3	5.5	8.8	6.5	8.0
11	3642010505	Trầ Th Ề	0.20	Kém	40							0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	1.5	0.0	0.0		0.0
12	3642012057	Huđnh Vần	1.80	Kém	45					4.0		3.2	4.5		0.0	0.0	0.0	6.7	1.7	0.0	1.8	3.5	0.0		0.0
13	3642010532	Trầ Kim	6.00	TB khá	60					5.0	5.0	5.2	5.8	8.0	5.2	6.3	5.0	6.4	3.5	6.7	4.8	6.8	8.0	7.3	8.0
14	3642010508	Trầ Th Ề	4.00	YJầ	48					3.8	4.3	3.0	4.8	7.0	2.7	5.8	4.8	6.5	2.3	3.9	4.0	4.8	0.8	6.3	0.0
15	3642010407	Nguy Ờ n Bỗo	1.10	Kém	48							3.2	0.0		0.0	0.0	0.0	1.3	1.8	0.0	2.5	1.5	0.0		0.0
16	3642010459	Nguy Ờ n Th Ề M:	3.90	Kém	53					3.3	2.5	4.2	5.5	6.0	2.0	3.3	2.6	7.9	5.0	2.0	4.5	4.8	0.8	7.5	0.0
17	3642010401	Nguy Ờ n Th Ề	6.40	TB khá	60					5.0	4.8	6.2	5.3	6.5	6.3	5.3	5.2	6.7	7.3	7.7	7.3	7.3	7.3	6.5	7.0
18	3642012012	Nguy Ờ n V» Thu	6.80	TB khá	63					6.0	5.3	6.0	5.3	7.5	7.0	6.5	4.1	7.7	5.7	6.6	6.8	9.5	8.8	7.0	8.0
19	3642010469	B½ Th Ề	6.00	TB khá	55					4.5	4.5	5.7	5.0	7.0	6.3	6.9	5.2	6.3	5.5	4.1	5.0	9.0	7.0	6.8	7.0
20	3642012079	Trầng Nguy Ờ n Kim	0.10	Kém	40							0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	1.2	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0
21	3642012106	Ng Ề Th Ề Minh	6.70	TB khá	63					5.0	5.3	6.8	6.5	8.0	6.8	6.3	5.8	7.9	7.5	8.2	6.0	5.3	9.0	6.0	7.0
22	3642012088	Nguy Ờ n Th Ề H Ề ng	6.90	TB khá	75					6.5	5.5	6.2	5.5	7.0	7.5	8.0	5.2	7.5	5.8	7.6	6.3	7.8	9.3	7.5	8.0
23	3642012078	V» Th Ề	6.50	TB khá	63					5.0	4.5	6.3	5.3	7.5	7.8	7.0	5.0	6.7	6.7	7.8	5.8	6.0	7.8	7.0	6.0
24	3642012102	Nguy Ờ n Ho Ề ng	5.80	TB	60					4.8	5.0	5.7	5.5	6.5	5.0	5.3	5.0	7.7	5.3	6.9	5.8	6.0	8.3	5.0	7.0
25	3642011991	VỈ Th Ề Ho Ề i	7.80	Khá	83					7.8	7.5	6.0	6.0	8.0	8.5	7.8	5.6	8.5	8.0	8.1	8.3	9.3	9.5	7.5	7.0
26	3642012090	Chầ Ng Ề c	6.70	TB khá	60					7.0	6.5	5.2	5.5	7.5	6.7	7.0	5.3	7.7	6.5	7.2	6.3	7.3	9.0	6.0	8.0
27	3642012081	H Ề M:	7.30	Khá	83					7.3	6.8	6.2	7.0	8.0	7.8	6.8	5.1	7.9	8.3	7.5	7.0	6.5	8.8	7.8	9.0
28	3642012097	B½ Th Ề Ng Ề c	5.50	TB	53					4.3	4.5	5.2	5.5	7.5	4.3	6.8	5.0	5.8	4.2	5.5	6.0	5.8	6.0	7.3	5.0
29	3642012049	Phầ Th Ề	2.00	Kém	40					4.0		4.2	5.3		0.0	0.0	0.0	7.2	2.2	0.0	2.8	2.3	0.0		0.0
30	3642010403	VỈ Th Ề	6.90	TB khá	80					6.8	6.5	6.8	5.3	8.0	6.8	6.3	5.4	7.2	7.5	8.1	5.8	7.3	9.0	6.5	6.0
31	3642010451	Nguy Ờ n Tr Ề ng	5.50	TB	55					4.5	4.3	5.2	5.3	6.0	4.7	6.3	5.2	6.9	5.0	4.6	5.5	5.3	8.0	7.5	5.0
32	3642011996	Nguy Ờ n Th Ề Thu	5.40	TB	53					3.5	4.3	5.7	5.5	7.5	3.3	5.8	5.1	6.0	6.5	3.5	5.8	5.5	6.5	7.0	4.0
33	3642010438	Ngô Kim	2.60	Kém	48					4.0		4.8	5.0		0.0	0.0	0.0	6.8	4.7	0.0	4.8	4.3	0.0		0.0

STT	Mã S'	H' Vê TạN		ậ lqM TBC	XLHT	ậ lqM RCñN LUY' N	S' MĐN < 5	K LUX T	XÉT THEO QUY CHẾ	Qp C, AH, I ậ NG	Anh vãn cũn bñn 1														Th c đp cũn			
											4	4	6	2	5	6	3	3	2	4	3	4	4	4	4	2		
34	3642010525	Nguy, n Thĩ NhƎ	Ng` c	3.50	Kém	53					5.0	2.5	5.2	5.3		1.3	3.8	0.0	6.3	2.7	1.2	3.0	8.3	4.0		0.0		
35	3642010466	Trřh Ho`ng Břo	Ng` c	6.00	TB khá	60					5.8	4.5	5.5	5.5	7.0	5.2	6.0	5.5	7.7	4.3	5.3	7.3	8.8	7.3	5.5	6.0		
36	3642010408	Nguy, n Thĩ Thu	Nguyên	2.80	Kém	53					5.0	2.5	4.0	5.8		1.2	0.0	0.0	6.9	3.3	2.2	3.8	5.0	0.0		0.0		
37	3642010411	Phan Thĩ	Nguyên	6.60	TB khá	63					5.3	5.8	6.0	5.0	7.5	6.8	6.3	5.3	7.3	6.2	7.6	6.3	7.5	8.8	6.5	7.0		
38	3642012103	ậ ình Thĩ Thu	Nguy' t	6.00	TB khá	63					4.3	4.5	5.3	5.0	7.5	5.7	6.8	4.9	6.9	6.5	5.4	5.5	5.8	8.3	6.5	8.0		
39	3642010464	Nguy, n Thĩ Thanh	Nhàn	8.20	Gì i	85					7.8	7.5	6.8	6.0	7.5	9.0	7.5	6.4	8.2	9.5	8.4	9.3	10	10	6.8	9.0		
40	3642012072	L° Thĩ H`ng	Nhanh	6.90	TB khá	83					7.3	6.0	5.8	6.5	8.0	7.5	8.0	5.2	6.8	6.2	7.7	5.5	6.5	9.3	6.5	7.0		
41	3642012094	L, YJh	Nhi	0.50	Kém	53						1.5	3.2	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			
42	3642012002	Trang Thĩ YJh	Nhi	6.80	TB khá	48					7.3	7.0	5.8	6.0	6.5	6.2	6.5	5.4	6.7	5.8	7.3	5.8	9.3	10	6.3	6.0		
43	3642012043	TrƎng Thĩ Thanh	Phúc	5.50	TB	48					5.0	4.5	4.7	5.0	7.0	3.8	6.1	4.2	7.0	4.7	4.9	5.5	6.5	7.5	6.8	5.0		
44	3642010292	Ng¹ M:	PhƎng	2.60	Kém	48					4.8		5.0	4.8		0.0	0.0	0.0	6.5	3.7	0.0	4.0	5.3	0.0		0.0		
45	3642012067	Nguy, n Thĩ	Sen	6.20	TB khá	60					5.0	5.0	7.0	5.8	7.5	5.8	6.5	5.2	7.4	8.0	7.4	7.3	4.5	6.5	5.0	5.0		
46	3642010471	Hu&nh Vĩ Ho`i	Tâm	1.90	Kém	48					7.8		1.0	5.3		0.0	0.0	0.0	0.0	0.2	0.4	0.0	9.5	0.0		0.0		
47	3642012010	Nguy, n H, u	Tĩh	2.70	Kém	48					7.3	3.0	3.0	5.5		0.3	0.0	0.0	0.0	4.2	2.0	1.8	8.0	1.0		0.0		
48	3642010427	L° Thĩ h u	Tiên	7.10	Khá	83					6.0	5.3	6.0	5.0	8.0	7.5	6.5	5.8	7.7	8.3	8.1	5.5	8.8	9.0	7.8	8.0		
49	3642012107	Trřh Ng` c Anh	Tuĩh	2.60	Kém	40					5.0		3.7	3.8	7.5	0.0	0.0	0.0	6.8	3.2	1.9	3.5	0.0	0.0		0.0		
50	3642010397	Vĩ Anh	Tuĩh	0.00	Kém	40							0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0			0.0		
51	3642010514	Nguy, n Thĩ Thu	TuyJ	6.40	TB khá	60					4.8	4.5	6.8	5.5	7.0	6.5	6.5	5.1	7.3	8.0	7.6	6.3	5.3	7.8	5.0	8.0		
52	3642012023	Lĩ TrƎng	Thành	5.80	TB	48					4.8	4.0	5.2	5.3	8.0	3.7	6.1	5.0	7.8	2.8	4.8	3.8	10	9.5	7.3	7.0		
53	3642012108	Nguy, n Thĩ B²ch	Thřo	6.30	TB khá	63					5.0	4.5	6.5	5.0	8.0	5.8	6.8	5.2	6.9	7.0	8.8	6.0	6.3	6.0	7.0	6.0		
54	3642012062	Nguy, n Thĩ Thanh	Thřo	3.40	Kém	53					5.3		5.8	4.3	6.0	0.0	4.0	0.0	7.0	3.3	0.0	3.8	7.3	0.0		0.0		
55	3642010358	Tô Thanh	Thřo	0.50	Kém	53							2.5	0.0		0.0	0.0	0.0	2.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0		
56	3642010483	Nguy, n Thĩ	Thđn	6.80	TB khá	63					5.0	5.3	6.5	6.0	8.0	7.2	5.5	5.5	7.2	7.5	7.6	6.3	6.8	8.8	7.3	7.0		
57	3642012047	Nguy, n Thĩ L´	Thi	6.40	TB khá	63					4.5	5.0	5.0	5.3	8.0	7.0	5.9	4.3	8.2	6.2	6.1	6.3	8.5	7.8	7.0	8.0		
58	3642012055	V» Thĩ	Thđm	7.20	Khá	83					5.8	5.3	7.2	6.3	8.0	7.8	6.9	5.2	6.9	6.5	8.7	7.8	8.3	9.0	6.8	7.0		
59	3642012013	Vđn Vq	Thuđn	2.40	Kém	48					3.5		3.2	5.0		0.2	0.0	0.0	6.4	2.0	0.0	3.3	8.0	0.0		0.0		
60	3642012112	B¼ Thĩ H`ng	Th, y	3.00	Kém	40					5.0		6.8	5.5		0.0	0.0	0.0	5.5	8.0	0.0	6.8	0.0	0.0		0.0		
61	3642010428	L° Thĩ Thu	Th, y	6.40	TB khá	48					4.5	5.3	6.5	5.0	7.5	6.7	5.9	4.3	6.8	6.2	6.5	6.5	7.3	8.0	6.3	7.0		
62	3642012027	Nguy, n Thĩ Thu	Th, y	5.50	TB	53					3.8	4.8	7.0	5.3	7.5	4.8	5.5	3.4	5.7	4.5	5.0	5.8	5.5	7.3	5.5	5.0		
63	3642012053	V» Thĩ Thu	Th, y	2.60	Kém	45					4.0		4.2	5.0		0.0	0.0	0.0	5.9	2.0	0.0	4.3	5.3	3.0		0.0		
64	3642010369	ậ o`n Thĩ	Thúy	3.80	Kém	55					5.3		6.5	5.8		0.0	0.0	0.0	7.5	8.5	0.0	7.0	7.5	0.0		0.0		
65	3642010110	ậ o`n Thĩ Anh	ThƎ	5.60	TB	53					3.8	4.3	6.0	5.0	7.0	4.0	6.3	4.4	6.7	4.3	5.4	6.3	7.5	5.8	7.5	4.0		
66	3642010350	Trřh Thĩ Thanh	Trà	5.30	TB	53					4.3	3.8	4.7	5.8	7.0	4.7	4.3	4.1	6.5	5.2	3.9	5.3	6.8	7.0	5.8	5.0		
67	3642010534	Nguy, n Thĩ KiQ	Trang	6.70	TB khá	55					6.0	5.5	6.8	5.8	7.5	6.3	6.5	4.6	6.4	8.2	7.4	6.3	6.5	8.3	7.0	7.0		
68	3642012083	Nguy, n Thĩ Ng` c	Trang	6.00	TB khá	63					3.8	3.8	6.0	5.3	7.5	5.8	5.3	5.3	6.3	6.3	5.4	5.8	7.0	8.0	7.0	7.0		
69	3642011999	Nguy, n Thĩ Thu	Trang	0.50	Kém	40							0.0	1.5		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.5	0.0	3.3		0.0		
70	3642012105	Phđm Thĩ	Trang	5.90	TB	63					4.5	4.5	6.0	5.5	8.0	5.0	5.8	4.6	6.9	5.0	6.3	6.3	5.8	7.3	7.3	5.0		
71	3642010529	Trřh Thĩ Th¼y	Trang	7.30	Khá	83					5.3	5.0	6.8	5.3	8.0	8.2	7.3	6.8	6.3	8.0	7.8	5.5	8.8	9.8	8.5	7.0		
72	3642010400	ậ ình Thĩ Qu&nh	Trâm	5.50	TB	63					4.5	4.8	6.8	5.8	7.5	4.5	2.0	4.0	7.3	4.5	3.6	5.3	7.5	7.5	5.8	6.0		

STT	Mã S'	H' Vê TậN	ậIqM TBC	XLHT	ậIqM RẬN LUY' N	S' MẬN < 5	K LUY' T	XÉT THEO QUY CHẾ	Qp C, A H, I ậ' NG	Ảnh vậ cậ bậ 1	Ảnh vậ cậ bậ 2	Chậh rậ	Gậo d, c phậ lượ(5)	Gậo d, c qu' c ph, ượ(3)	Kậoậ rậ chậ (P1)	Kậ lậ m'	Kậ lậ m'	Ngậ' p v, h' mậ vậ ph, ượ	Ngậ' n lậ kậ	Ngậ' n lậ kậoậ	T'ậ chậ lậ ậ ượ(4)	Tin ậ cậ bậ	Tin ậ cậ ph, ượ	Thậ c Thậo	Tậ cậ chậ
										4	4	6	2	5	6	3	3	2	4	3	4	4	4	4	2
73	3642010478	Nguy, n Th' Thậ	Trính	6.00	TB khá	53				6.0	5.0	6.3	5.8	7.0	5.2	7.5	4.1	6.2	5.7	5.0	4.3	7.8	7.3	5.8	7.0
74	3642010449	Nguy, n Th' Thanh	Trúc	6.10	TB khá	60				5.5	5.3	5.5	5.0	8.0	5.3	6.8	5.7	6.0	4.8	6.4	3.8	8.0	8.0	7.0	7.0
75	3642012077	V» Th'	Trúc	6.50	TB khá	83				5.0	4.5	6.0	5.5	7.5	8.2	6.5	5.2	6.4	6.0	8.1	6.0	5.3	8.0	7.5	7.0
76	3642010371	Mai Hậ	Trung	6.80	TB khá	73				7.3	7.3	6.8	5.3	7.5	5.5	5.8	5.1	7.4	7.3	4.9	6.5	8.8	9.3	6.3	6.0
77	3642012099	Phan Kim	Vàng	6.70	TB khá	60				5.8	5.5	6.5	5.3	7.5	7.3	6.8	5.0	6.7	6.8	7.0	6.5	7.0	9.0	5.5	7.0
78	3642010326	Phậ Th' Thậ	Vy	7.00	Khá	65				5.3	4.5	6.2	6.3	7.5	7.8	6.0	5.1	6.2	8.5	7.2	7.5	8.5	9.8	7.3	6.0
79	3642010435	Nguy, n Th' M:	Yậ	6.00	TB khá	53				4.3	4.8	6.2	5.3	7.0	5.8	6.3	5.6	5.8	5.7	6.7	5.3	8.3	6.5	6.5	5.0

Xếp lo	SL	T" I
--------	----	------

TP.HCM, ngày 26 tháng 9 năm 2013

TRH NG KHOA

TP.ê O Tỷ O

H" U TRH NG